

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-PT  
Ngày: 13-1-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trinh.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hoàng Quý.

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Cần - thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Kim Sương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13-1-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 187/2019/TLPT-HS ngày 4-12-2019, đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 59/2019/HSST ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận B.

***- Bị cáo có kháng cáo :*** **Nguyễn Hoàng T** sinh năm 1977, tại thành phố B, tỉnh Đ. Nơi cư trú: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh B. Nghề nghiệp: Làm thuê, lái cần cẩu; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Tvà bà: Trần Ngọc M; có vợ: Nguyễn Bích H và 2 con: Lớn sinh năm 2003 - nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt. Trong vụ án còn có 02 bị cáo khác, nhưng không có kháng cáo. Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng T, Đoàn Duy M và Đoàn Hữu P làm thuê tại công ty TNHH MTV N. Công ty có 2 xà lan neo đậu tại cảng H, thuộc khu vực phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. Đầu năm 2018, T được giao nhiệm vụ vừa điều khiển cần cẩu, vừa quản lý tài sản của công ty trên 2 xà lan nói trên. M và P cũng được giao

nhiệm vụ vừa phụ giúp thợ sửa chữa, nấu cơm, vừa quản lý tài sản trên các xà lan.

Sáng ngày 29-9-2018, T nói với M ý định lấy khối kim loại dùng làm cầu đối trọng trên cần cầu (cục rết), mang đi bán. Đến tối, T tiến hành tháo khối kim loại này.

Sáng ngày 30-9-2018, T liên lạc với Lê Quốc T, để bán, nhưng T không mua. T giới thiệu cho Thiều Văn A mua. A nhờ Lê Đức L đi xem và mua dùm. Khoảng 11 giờ cùng ngày, T và M cùng đưa Khối kim loại nói trên lên xe tải, để mang đi bán. P nhìn thấy và để mặc cho T và M mang đi. T đã bán cho A với giá 6.165.000đ. T cho T 1.370.000đ - tiền công giới thiệu; cho P và M, mỗi người 1.000.000đ; giữ lại 2.795.000đ.

Ngày 2-11-2018, ông C phát hiện mất tài sản, nên đã trình báo với Công an phường T.

Theo kết quả định giá, khối kim loại nói trên có giá là 23.500.000đ.

Cơ quan điều tra đã thu hồi khối kim loại và đã cho ông C nhận lại. Ông C yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự cho T, M và P.

T, M và P đã nộp tiền, để bồi thường cho ông A.

Tại bản án số 59/2019/HS-ST ngày 25-7-2019, Tòa án nhân dân quận B đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Hoàng T 6 tháng tù.

Ngoài ra, còn có các quyết định về: Hình phạt đối với 02 bị cáo khác và án phí trong vụ án.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 8-8-2019, bị cáo T nộp đơn kháng cáo, xin hưởng án treo, với lý do là lao động chính, mẹ già, vợ bệnh và các con còn nhỏ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo, không có cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới.

Kiểm sát viên nhận định: bản án sơ thẩm đã tuyên có căn cứ và đúng pháp luật. Mức hình phạt đã tuyên là tương xứng, đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình, nên đề nghị giữ nguyên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm tuân thủ các quy định của Pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[1] Bị cáo nhận nhiệm vụ vừa lái cần cẩu, vừa quản lý tài sản của công ty (BL. 72, 74, 145, 161, 168, 187, 189, 191, 195, 198, 263, 264), nhưng lại câu kết với các bị cáo M và P, chiếm đoạt tài sản của công ty, mang đi bán, lấy tiền tiêu xài. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 23.500.000đ. Lẽ ra phải áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 352 và khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự, để truy tố và xét xử về tội Tham ô tài sản, là tội nặng hơn. Do không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng

tăng nặng, nên giữ nguyên. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Trong vụ án này, bị cáo là người chủ mưu phạm tội, rủ rê các bị cáo khác phạm tội.

Tội phạm đã hoàn thành, đã gây thiệt hại. Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản, để trả lại cho bị hại. Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác.

Khi lượng hình Tòa án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Mức hình phạt đã tuyên như vậy không nặng, nên giữ nguyên nhằm đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội, như kết luận của Kiểm sát viên.

Những điều kiện để thi hành án sẽ được xem xét khi thi hành án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm (có điều chỉnh điều luật áp dụng).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội **Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Hoàng T **6 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Nơi nhận:**

- VKSND TPCT;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan tố tụng Q.B;
- Bị cáo;
- Lưu.

**NGUYỄN VĂN TRINH**

